

Bản án số: 85/2024/HS-PT
Ngày 14-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Mạnh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huy Cận;

Bà Phạm Thị Thúy Mai.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vinh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vinh Phúc tham gia phiên toà:
Bà Bùi Thị Kim Tuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vinh Phúc, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 86/2024/TLPT - HS ngày 02 tháng 7 năm 2024, đối với bị cáo Nguyễn Văn Q, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 57/2024/HS-ST ngày 24/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên.

Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Văn Q, sinh ngày 26 tháng 3 năm 1984 tại thị trấn H, huyện B, tỉnh Vinh Phúc. Nơi cư trú: Tổ dân phố C, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vinh Phúc; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: không; con ông: Không xác định và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1949 (đã chết); có vợ: Trần Thị P, sinh năm 1994 (đã ly hôn), con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/01/2024 cho đến ngày 05/02/2024 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại địa phương (Có mặt).

(Trong vụ án còn có bị hại và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không có kháng cáo; không liên quan tới kháng cáo, Tòa án không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyễn Văn Q trước đây làm việc tại T, địa chỉ: E V, quận Đ, TP Hà Nội. Do ảnh hưởng bởi tình hình dịch C -19 cơ sở nơi Q làm việc hoạt động không có hiệu quả dẫn đến việc Q có khó khăn về kinh tế, vay mượn, nợ nần. Bản thân Q

đã từng công tác trong ngành giáo dục nên biết nhiều cá nhân có nhu cầu muốn xin biên chế vào ngành. Để có tiền tiêu sài cá nhân và trả nợ, Q đã tự giới thiệu với bạn bè và các mối quan hệ ngoài xã hội Q có khả năng xin được biên chế vào ngành giáo dục nhằm mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Khoảng đầu tháng 9/2022, qua bạn bè nói chuyện, chị Trần Thị L nghe nói Q có thể xin biên chế ngành giáo dục nên đã gọi điện cho Q để nhờ Q xin cho chị vào giảng dạy tại các Trường Trung học cơ sở trên địa bàn huyện Y. Q đồng ý và hẹn gặp chị L tại nhà riêng của mình ở tổ dân phố C, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc để trao đổi. Tại đây, Q nói dối chị L hiện Phòng giáo dục huyện Y đang tuyển 02 chỉ tiêu công chức ngạch giáo viên Trung học cơ sở và Q có thể xin được cho chị L 01 chỉ tiêu với mức chi phí 200.000.000 đồng, chị L đồng ý. Q yêu cầu chị L chuẩn bị 01 bộ hồ sơ xin việc gồm: 01 sơ yếu lý lịch có chứng thực; 01 bản sao căn cước công dân; 01 bảng điểm + bằng tốt nghiệp Đại học (bản sao có công chứng, chứng thực); 01 giấy khám sức khỏe, 01 đơn xin xét tuyển và bản sao các chứng chỉ như tin học, tiếng anh (nếu có) đồng thời chuyển trước 70%/tổng số tiền 200.000.000đ (hoặc 170.000.000đ) cho Q để lo việc, số tiền 30.000.000đ còn lại sẽ đưa cho Q khi chị L có quyết định tuyển dụng, chị L đồng ý. Khoảng 17 giờ ngày 30/9/2022, chị L cùng chồng là anh Đặng Quang Đ đến nhà Q. Tại đây, chị L đã đưa cho Q 01 bộ hồ sơ xin việc và giao số tiền 170.000.000đ thông qua hình thức chuyển khoản từ số tài khoản 0451000433862 của chị L được mở tại Ngân hàng TMCP N1 đến số tài khoản 2270119848888 của Q được mở tại Ngân hàng TMCP Q2, chia làm 02 lần (lần 1 chuyển khoản 50.000.000đ; lần 02 là 120.000.000đ). Để củng cố niềm tin cho chị L, Q có viết 01 giấy vay tiền thể hiện nội dung: Ngày 30/9/2022 Q vay của chị L số tiền 170.000.000đ, thời hạn vay 4 tháng (từ ngày 30/9/2022 đến ngày 30/01/2023 - tương ứng với thời gian Q khẳng định sẽ xin được việc cho chị L). Sau khi nhận tiền từ chị L, Q không liên hệ với bất kể cá nhân, tổ chức nào để nộp hồ sơ xin việc cho chị L mà đem toàn bộ số tiền 170.000.000đ đi trả nợ và tiêu sài cá hết.

Đến ngày 21/01/2023, để tiếp tục có tiền tiêu sài cá nhân Q liên lạc với chị L và nói dối là Q cần đi chúc Tết các sếp (những người Q đang nhờ để xin việc cho chị L) cần phải chuẩn bị quà và yêu cầu chị L chuyển cho Q số tiền 30.000.000đ còn lại. Chị L tin là thật tuy nhiên do chỉ vay được 10.000.000đ nên chị đã chuyển cho Q 10.000.000đ từ số tài khoản 0451000433862 được mở tại Ngân hàng TMCP N1 của chị L đến số tài khoản 2270119848888 của Q được mở tại Ngân hàng TMCP Q2. Sau khi nhận được tiền, để củng cố niềm tin cho chị L thì Q có viết cho chị L 01 giấy vay tiền thể hiện nội dung: ngày 21/01/2023 Q vay của chị L số tiền 180.000.000đ (thay thế cho giấy vay tiền ngày 30/9/2022 vì Q thay đổi số căn cước công dân). Toàn bộ số tiền này Q đã trả nợ và tiêu sài cá nhân hết. Khi hết thời gian 04 tháng như đã giao hẹn, không thấy có quyết định tuyển dụng, chị L đã nhiều lần tìm gặp Q thúc giục và hỏi kết quả nhưng Q lấy lý do cần chờ thêm thời gian nữa sẽ có quyết định tuyển dụng để trì hoãn không trả lại tiền. Đến tháng 3/2023, nhận thấy Q không có khả năng xin được việc nên chị L yêu cầu Q trả lại tiền. Tuy nhiên do đã tiêu sài cá nhân

hết số tiền nhận của chị L, Q tiếp tục nói dối là đã chi cho các sếp hết, nay cần phải có thời gian để đi lấy lại 180.000.000đ nhằm trì hoãn việc chị L đòi tiền và đến ngày 09/9/2023 Q có đưa cho chị L 13.000.000đ. Đến tháng 11/2023 biết là mình bị Q lừa chiếm đoạt toàn bộ số tiền chị đưa cho Q nên chị L đã có đơn trình báo Công an huyện B.

Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã tạm giữ của Nguyễn Văn Q 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S, plus màu vàng có lắp sim số 0386.555.503; của chị Trần Thị L 02 giấy vay tiền ngày 30/9/2022; 04 bản sao kê tài khoản của Ngân hàng TMCP C1 và Ngân hàng TMCP N1; 01 bản ảnh chụp màn hình điện thoại thể hiện nội dung trao đổi, trò chuyện giữa Q và chị L. Đối với 01 bộ hồ sơ xin việc của chị Trần Thị L do Q đã vứt bỏ nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Quá trình điều tra ngày 5/11/2023 và ngày 5/01/2024 Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra điện thoại thu giữ của Nguyễn Văn Q và chị Trần Thị L, xác định:

Trên điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 plus, màu vàng của Nguyễn Văn Q thể hiện: Trong danh bạ điện thoại lưu số điện thoại 0962.810.596 là “E Liên”;

Trong tài khoản Zalo tên Nguyễn Văn Q được đăng ký bằng số điện thoại “0386.555.503” kết bạn với tài khoản Zalo “E Liên” được đăng ký bằng số điện thoại “0962.810.596”.

Không phát hiện nội dung tin nhắn SMS và tin nhắn trên ứng dụng Zalo giữa Q và chị L.

Trên điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J10 của chị L. Tại mục tin nhắn trên ứng dụng Zalo, tên tài khoản “Trần Liên” phát hiện nội dung trao đổi nhờ xin việc và chuyển số tiền 180.000.000 đồng với tài khoản “Nguyễn Văn Q”.

Quá trình điều tra, bị cáo Q và chị H (là em bị cáo Q) đã bồi thường trả lại tiền đầy đủ cho chị L; chị L không có yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm hình phạt cho bị cáo Q. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Q đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 57/2024/HS-ST, ngày 24/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 05/01/2024 đến ngày 05/02/2024.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về xử lý vật chứng và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024, bị cáo Q kháng cáo cho rằng bản án tòa án đã xét xử đối với bị cáo là nặng và xin được hưởng án treo.

Tại cấp phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn Q1 nộp thêm tài liệu là: 01 Bằng khen của Hội T1 năm 2005 vì đạt giải ba Olympic Toán học; 02 Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh V năm 2005, năm 2006 vì có giải thưởng cao Olympic Toán học; và 01 đơn xin giảm án của Trung tâm T2. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Q1 không nộp thêm tài liệu nào mới và đề nghị giảm hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu về đơn kháng cáo của bị cáo; phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm số 57/2024/HS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 02 (Hai) năm 06 tháng tù đến 03 (Ba) tù năm tù nhưng cho hưởng án treo; ấn định thời hạn thử thách theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Q làm trong hạn luật định, hợp lệ được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Cấp sơ thẩm trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự, các tài liệu chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo trong vụ án đã đầy đủ, có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn Q đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã quy kết. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ sở để kết luận:

Lợi dụng nhu cầu cần xin biên chế trong ngành giáo dục của chị Trần Thị L; ngày 30/9/2022, tại nhà riêng của mình ở thị trấn H, huyện B, Nguyễn Văn Q là người không có chức vụ, quyền hạn gì liên quan đến ngành giáo dục; không có khả năng xin được việc làm ở bất cứ Cơ quan, tổ chức nào nhưng Q đã đưa ra thông tin gian dối thể hiện bản thân Q có khả năng xin được 01 suất biên chế cho chị L tại các Trường Trung học cơ sở trên địa bàn huyện Y với chi phí 200.000.000đ. Để chị L tin là thật, đồng ý nhờ Q xin việc, Q yêu cầu chị L làm hồ sơ xin việc giao cho Q. Sau khi nhận hồ sơ xin việc và 180.000.000đ từ chị L, Q không nộp vào cơ quan, đơn vị nào, cũng không gặp bất cứ một ai có thẩm

quyền để đặt vấn đề xin việc cho chị L, mà để mất hồ sơ; còn toàn bộ số tiền nhận của chị L, Q sử dụng để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết.

Hành vi Nguyễn Văn Q dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt số tiền 180.000.000đ của chị Trần Thị L như trên đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Nội dung điều luật quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đ đến dưới 50.000.000đ....thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm...”

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

c) Chiếm đoạt tài sản từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”.

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Q là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét kháng cáo xin giảm hình phạt và hưởng án treo của bị cáo Q, Hội đồng xét xử thấy:

Về nhân thân: trước khi phạm tội Nguyễn Văn Q là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, nhưng vì lợi ích của bản thân mà thực hiện hành vi phạm tội với số tiền chiếm đoạt khá lớn, thể hiện thái độ coi thường pháp luật. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời mới có tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn Q thành khẩn khai báo, thực sự tỏ ra ăn năn hối cải, đã tự nguyện trả lại cho chị L 13 triệu đồng; bị cáo đã tác động tới gia đình để bồi thường đủ thiệt hại số tiền đã chiếm đoạt của bị hại (cụ thể: ngày 16/01/2024 chị Vũ Thị H1 (chị họ của Q) đã bồi thường thêm cho chị L số tiền 167.000.000đ thay Q). Sau khi nhận đủ số tiền trên, chị L không có yêu cầu, đề nghị gì thêm và có đơn xin miễn giảm hình phạt cho Q. Vì vậy, bị cáo Q được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Văn Q không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tòa án nhân huyện B căn cứ nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Q, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án được trừ đi thời gian tạm giữ. Hội đồng xét xử thấy rằng mức hình phạt tòa cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với bị cáo Q như vậy là có phần nghiêm khắc.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn Q nộp thêm 02 Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban tỉnh V và 01 Bằng khen của Hội T1 trong hai năm 2005, 2006. Như vậy, bị cáo Q là người có thành tích xuất sắc trong học tập nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, Trung tâm thực nghiệm sản xuất thuộc Hội cứu trợ trẻ em tàn tật Việt Nam cũng có đơn xác nhận bị cáo Q có công đóng góp hỗ trợ trẻ em tàn tật và có hoàn cảnh khó khăn để xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Q nên bị cáo Q còn được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử thấy bị cáo Q hoàn cảnh gia đình éo le không có bố, mẹ đã chết, có vợ nhưng đã ly hôn và chưa có con; bản thân lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có tình tiết giảm nhẹ mới tại cấp phúc thẩm; có nơi cư trú ổn định rõ ràng nên cần sửa án sơ thẩm, giảm mức hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo hưởng án treo để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm thành công dân có ích cho xã hội cũng như thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp cần chấp nhận.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kháng cáo của bị cáo Q được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Q về giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Sửa bản án Hình sự sơ thẩm số 57/2024/HS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn Q.

2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q, phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 05 (Năm) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Q cho Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng: Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Văn Q không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Huy Cẩn Phạm Thị Thúy Mai

Vũ Văn Mạnh